

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: **950**...../XMHT-VP  
V/v công bố thông tin doanh nghiệp  
Nhà nước lần 1 năm 2021

Hải Dương, ngày **31** tháng **3** năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của Doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 1478/QĐ-XMHT ngày 06/5/2016 của Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch.

Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch xin gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và Tổng công ty Xi măng Việt Nam các bản phụ lục theo quy định công bố thông tin định kỳ lần 1 năm 2021, cụ thể như sau:

1. Báo cáo dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021 (phụ lục số 4).
2. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) năm 2020 (phụ lục số 6).
3. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp năm 2021 (phụ lục số 7).
4. Báo cáo ước thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng năm 2020 (phụ lục số 10).

Các phụ lục trên, Công ty đã thực hiện đăng thông tin trên Website của Công ty theo đúng quy định.

Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch kính báo cáo./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư, VP.

*Handwritten signature*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Xuân Khôi**

Số: 874/ XMHT-KHCL

Hải Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2021

## **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định về việc ban hành Quy chế công bố thông tin  
số 1478/QĐ-XMHT ngày 06/5/2016)

### **I. ƯỚC THỰC HIỆN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC**

#### **1. Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu**

##### **a) Chỉ tiêu sản xuất**

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Clinker:       | 3.321.461 tấn          |
| - Xi măng:       | 3.996.338 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 414.055 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 3.014 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 31.360.000 cái         |

##### **b) Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm**

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Xi măng:       | 3.970.641 tấn          |
| - Clinker:       | 1.097.918 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 375.094 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 2.580 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 31.312.645 cái         |

2. Doanh thu: 4.565 tỷ đồng

3. Lợi nhuận trước thuế: 261 tỷ đồng

4. Nộp Ngân sách: 259 tỷ đồng

### **II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**

Trước những khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 trên thế giới còn diễn biến phức tạp, để lại hậu quả khó lường và khả năng cao sẽ kéo dài cả năm 2021 tại nhiều quốc gia, riêng tại Việt Nam, đặc biệt trong 02 tháng đầu năm 2021, dịch bùng phát ở các tỉnh Hải Dương, Quảng Ninh... Công ty sẽ tập trung chỉ đạo, phát huy tối đa nội lực, nỗ lực phấn đấu nhằm tiết giảm chi phí trong quản lý, mua sắm, hoạt động sản xuất kinh doanh và đặt ra mục tiêu như sau:

#### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

##### **1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:**

##### **a) Chỉ tiêu sản xuất**

|                |                        |
|----------------|------------------------|
| - Clinker:     | 3.368.374 tấn          |
| - Xi măng:     | 4.720.000 tấn          |
| - Đá xây dựng: | 400.000 m <sup>3</sup> |





|                                      |                        |
|--------------------------------------|------------------------|
| - Gạch chịu lửa:                     | 3.860 tấn              |
| - Vò bao:                            | 31.500.000 cái         |
| <b>b) Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm</b> |                        |
| - Xi măng:                           | 4.720.000 tấn          |
| - Clinker:                           | 800.000 tấn            |
| - Đá xây dựng:                       | 400.000 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa:                     | 3.860 tấn              |
| - Vò bao:                            | 31.500.000 cái         |

#### 1.2. Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:

- Lợi nhuận trước thuế: 282,54 tỷ đồng.

#### 1.3. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm:

- Giữ vững hợp lý cơ cấu sản phẩm xi măng bao, tăng thị phần xi măng rời trên cơ sở giảm giá thành sản xuất.
- Tại Miền Bắc, giữ vững thị phần xi măng Hoàng Thạch tại các địa bàn cốt lõi. Gia tăng thị phần tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên.
- Linh hoạt trong cơ chế, chính sách bán hàng để phù hợp với thực tế thị trường và định hướng của VICEM.

### 2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: 333,88 tỷ đồng.
- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 333,88 tỷ đồng.

## III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về tài chính

- Kiểm soát tốt nguồn vốn, công nợ, xử lý vật tư phụ tùng tồn kho.
- Rà soát các danh mục tài sản không sinh lời, công nợ tồn đọng để có kế hoạch xử lý thu hồi vốn.
- Thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp theo lộ trình của Tổng Công ty.

### 2. Giải pháp về sản xuất

- Duy trì sản xuất ổn định, phát huy tối đa năng suất thiết bị, an toàn và đảm bảo môi trường; Tiếp tục thực hiện các biện pháp để giảm tiêu hao, đặc biệt là giảm tiêu hao năng lượng.
- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.
- Tăng năng suất lao động với giải pháp nâng cao năng suất thiết bị, kéo dài thời gian hoạt động của thiết bị, tối ưu hóa vận hành.
- Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra, lập kế hoạch sửa chữa kịp thời, hợp lý, sửa chữa nhanh, triệt để.
- Tăng cường kiểm soát, quản lý chất lượng nguyên, nhiên vật liệu; Quản lý mức tồn kho đối với từng nguyên, nhiên vật liệu; Lựa chọn nguồn phụ gia, tỷ lệ cấp phối phụ gia để xây dựng bài phối liệu phục vụ cho sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

### 3. Giải pháp về tiêu thụ

- Rà soát, từng bước sắp xếp lại thị trường tiêu thụ, ưu tiên những địa bàn cốt lõi, thuận lợi về logistics, có lợi thế về thương hiệu. Đẩy mạnh tiêu thụ để phát huy hết năng lực sản xuất, từ đó tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và tăng thị phần.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ NPPC quản lý chuỗi hệ thống, bán hàng online, quản lý thương vụ, quản lý vận tải.

- Đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong nước và tiếp tục tìm kiếm khách hàng, thị trường để xuất khẩu xi măng.

### 4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng định biên lao động theo chỉ đạo của VICEM, tiếp tục rà soát, đào tạo, sắp xếp lao động hợp lý, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đánh giá hiệu quả công việc KPI vào việc trả lương thưởng.

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty phù hợp với chiến lược của VICEM.

- Phát triển đội ngũ quản lý và chuyên viên quản lý nhân sự chuyên nghiệp.

### 5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Nghiên cứu đầu tư chiều sâu để xử lý các nút thắt về dây chuyền công nghệ, nâng cao năng suất thiết bị, tối ưu hóa vận hành.

- Áp dụng tiến bộ khoa học, cải tiến kỹ thuật, giảm tối đa các chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn/định mức nội bộ.

- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá tình trạng máy móc thiết bị theo định kỳ.

### 6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Thực hiện nghiêm túc quy định về minh bạch, công khai thông tin mọi hoạt động của Công ty. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra.

- Triển khai xây dựng kế hoạch hàng năm, trong đó kế hoạch chi tiêu phải hợp lý, sát thực tế, đảm bảo đúng mục đích, chính sách chế độ hiện hành. Không đưa vào kế hoạch các khoản chi chưa thực sự cần thiết và không hiệu quả.

- Chủ động cân đối các nguồn lực tài chính để đảm bảo sử dụng đồng vốn kinh doanh hiệu quả.

### 7. Giải pháp khác

- Thực hiện các công tác ATVSLĐ, PCCN, BVMT, an toàn sức khỏe nghề nghiệp tuân thủ theo quy định của pháp luật, các hệ thống quản lý ISO trong Công ty.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược “Phát triển bền vững và sản xuất xanh” của VICEM.

- Chủ động, quyết liệt, nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ thị của Chính phủ, Bộ Y tế, Ban ngành, địa phương các cấp và VICEM.





## IV. BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

| TT  | Các chỉ tiêu                                 | ĐVT            | Kế hoạch  |
|-----|----------------------------------------------|----------------|-----------|
| 1   | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu               |                |           |
| 1.1 | Chỉ tiêu sản xuất                            |                |           |
|     | - Clinker                                    | tấn            | 3.368.374 |
|     | - Xi măng                                    | tấn            | 4.720.000 |
|     | - Đá xây dựng                                | m <sup>3</sup> | 400.000   |
|     | - Gạch chịu lửa                              | tấn            | 3.860     |
|     | - Vỏ bao                                     | 1.000 cái      | 31.500    |
| 1.2 | Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm                   |                |           |
|     | - Xi măng                                    | tấn            | 4.720.000 |
|     | - Clinker                                    | tấn            | 800.000   |
|     | - Đá xây dựng                                | m <sup>3</sup> | 400.000   |
|     | - Gạch chịu lửa                              | tấn            | 3.860     |
|     | - Vỏ bao                                     | 1.000 cái      | 31.500    |
| 2   | Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có) |                |           |
| 3   | Doanh thu                                    | Tỷ đồng        | 4.926,26  |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế                         | Tỷ đồng        | 282,54    |
| 5   | Nộp ngân sách                                | Tỷ đồng        | 272,30    |
| 6   | Tổng vốn đầu tư                              | Tỷ đồng        | 333,88    |
| 7   | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)                 | 1.000 USD      |           |
| 8   | Các chỉ tiêu khác                            |                |           |

Trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Cục PTDN (Bộ KH&ĐT);
- Bộ Xây dựng;
- VICEM;
- Website của Công ty;
- Lưu: VT, KHCL.

*(Chữ ký)*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Xuân Khôi**

TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH  
Mã số: 0800004797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**PHỤ LỤC 6**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH**  
**VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2020**

| TT | Chi tiêu                                                                                                                             | ĐVT      | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ so với KH | Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|-----------|-----------------|--------------------------------|
| 1  | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm                                                                  | trđ      | 0        | 0         | 0               | 0                              |
| 2  | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện bị lỗi, không đạt yêu cầu                                                  | trđ      | 0        | 0         | 0               | 0                              |
| 3  | Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hoàng Thạch không đạt yêu cầu | Không có |          |           |                 |                                |
| 4  | Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm                                                   | trđ      | 0        | 0         | 0               | 0                              |
| 5  | Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm                                                                         | trđ      | 0        | 0         | 0               | 0                              |

Người lập biểu



**Trịnh Xuân Tiên**

Kế toán trưởng



**Hà Hải Yến**

Tổng giám đốc



  
**Lê Xuân Khôi**



TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH  
Mã số: 0800004797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**PHỤ LỤC 7**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH NĂM 2021**

| TT | Tên doanh nghiệp                           | Giữ nguyên | Thoái vốn                    |                 | Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo |                          |                               |                                |        |                            |                    |                            | Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn | Kế hoạch năm tiếp theo                     | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------|----------------------------|--------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|    |                                            |            |                              |                 | CPH                               |                          |                               |                                |        |                            | Các hình thức khác |                            |                                                       |                                            |         |
|    |                                            |            | Hoàn thành trong năm báo cáo | Chưa hoàn thành | Thành lập Ban chỉ đạo             | Đang xác định giá trị DN | Quyết định công bố giá trị DN | Quyết định phê duyệt phương án | Đã IPO | Đại hội đồng cổ đông lần 1 | Tên hình thức      | Đã có quyết định phê duyệt |                                                       |                                            |         |
|    | (1)                                        | (2)        | (3)                          | (4)             | (5)                               | (6)                      | (7)                           | (8)                            | (9)    | (10)                       | (11)               | (12)                       | (13)                                                  | (14)                                       | (15)    |
| *  | Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hoàng Thạch | X          |                              |                 |                                   | X                        |                               |                                |        |                            |                    |                            |                                                       | Thực hiện theo đúng lộ trình CPH của VICEM |         |

Người lập biểu



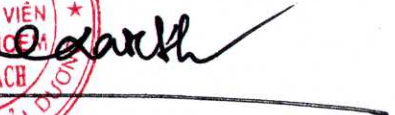
**Trịnh Xuân Tiến**

Kế toán trưởng



**Hà Hải Yến**

Tổng giám đốc

**Lê Xuân Khôi**

Mã số: **0800004797**

Số: **949** /XMHT-TC

Hải Dương, ngày **31** tháng **3** năm **2021**

**PHỤ LỤC 10**  
**BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG**  
**CỦA CÔNG TY XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH NĂM 2020**

*(Theo biểu mẫu kèm theo tại Quyết định về việc ban hành*  
*Quy chế công bố thông tin số 1478/QĐ-XMHT ngày 06/05/2016)*

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch

1.1 Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:

+ Tiền lương thực hiện của người lao động được xác định trên cơ sở tiền lương kế hoạch và điều chỉnh theo mức tăng, giảm năng suất lao động, lợi nhuận theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Quỹ khen thưởng hàng năm của người lao động được trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty và thưởng cho người lao động theo quy chế Thi đua khen thưởng của Công ty.

+ Công ty trả lương cho người lao động theo chức danh công việc, làm việc gì trả lương việc đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trả lương thỏa đáng với người lao động có trình độ, chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề giỏi ...theo quy chế trả lương theo chức danh công việc của Công ty.

b) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản:

+ Công ty xác định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người Quản lý công ty theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Việc trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý.





2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch.

**BIỂU BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA CÔNG TY XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH NĂM 2020**

| TT         | Chỉ tiêu                                                              | Đơn vị tính | Năm 2020           |               | Năm 2021         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|---------------|------------------|
|            |                                                                       |             | Kế hoạch thực hiện | Ước thực hiện | Dự kiến kế hoạch |
| (1)        | (2)                                                                   | (3)         | (4)                | (5)           | (6)              |
| <b>I</b>   | <b>HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP</b>                                          |             | <b>I</b>           | <b>I</b>      | <b>I</b>         |
| <b>II</b>  | <b>TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>                                  |             |                    |               |                  |
| 1          | Lao động bình quân                                                    | Người       | 1.773              | 1.745         | 1.626            |
| 2          | Mức tiền lương bình quân                                              | Tr. đ/tháng | 16,64              | 17,38         | 18,67            |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                        | Triệu đồng  | 354.033            | 364.042       | 364.289          |
| 4          | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động      | Triệu đồng  | 35.403             | 45.144        | 45.000           |
| 5          | Thu nhập bình quân                                                    | Tr.đ/tháng  | 18,3               | 19,54         | 20,97            |
| <b>III</b> | <b>TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH</b> |             |                    |               |                  |
| 1          | Số người quản lý Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch                    | Người       | 5                  | 5             | 6                |
| 2          | Mức lương cơ bản bình quân                                            | Tr.đ/tháng  | 24,0               | 24,0          | 24,0             |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                        | Triệu đồng  | 2.960              | 2.972         | 3.567            |
| 4          | Mức tiền lương bình quân                                              | Tr.đ/tháng  | 49,33              | 49,53         | 49,53            |
| 5          | Quỹ thù lao                                                           | Triệu đồng  | 408                | 348           | 336              |
| 6          | Tiền thưởng                                                           | Triệu đồng  | 332                | 334,3         | 401,2            |
| 7          | Mức thu nhập bình quân của người quản lý                              | Tr.đ/tháng  | 56,4               | 56,7          | 56,7             |

**Nơi nhận:**

- Bộ XD, Bộ KH&ĐT (để b/c);
- VICEM (để b/c);
- HĐTV, KSV, Ban TGD;
- Văn phòng, P.CNTT;
- Lưu TC, VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Xuân Khôi**